TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
----o0o----

Số : 07 /2018/QĐST-KDTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
----------o0o---------

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thụy và bµ U«ng ThÞ Hoa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương - Cán bộ Tòa án.

Đại diện VKS ND quận B: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngµy 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vô ¸n kinh doanh thương mại thô lý sè 05/2018/TLST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng kinh tế.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyªn ®¬n: Công ty A.

Địa chỉ trụ sở : Số 16, C32 phường M, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Văn H- Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Cao P.

Văn bản ủy quyền số 01/GUQ/2018 đề ngày 14/01/2018.

BÞ ®¬n: Công ty B - Công ty CP.

Địa chỉ trụ sở : Số 623 đường L phường T , quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Đinh Văn Thanh - Tổng giám đốc Tổng công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đỗ Thị L- Chuyên viên phòng pháp chế (Văn bản ủy quyền số 0287/UQ-TCT ngày 06/4/2018).

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty A do ông Trần Cao P đại diện theo ủy quyền và Công ty B - Công ty CP (do bà Đỗ Thị L đại diện theo ủy quyền thống nhất xác nhận:

1. Công ty A và Xí nghiệp C - Chi nhánh Công ty B- Công ty CP đã ký kết các hợp đồng và phụ lục hợp đồng, cụ thể như sau:

Hợp đồng thuê thiết bị số 01.01/2015/HĐTB ngày 01/01/2015 về việc cho thuê thiết bị để phục vụ thi công tại gói thầu số 7 thuộc dự án đường cao tốc Đà Nẵng- Quảng Ngãi.

Hợp đồng kinh tế số 02/2016/HĐKT ngày 15/01/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/02/2016 về việc cung cấp bê tông nhựa phục vụ thi công dự án đầu tư xây dựng công trình QL1 đoạn tránh TP P tỉnh H .

2. Hai bên thanh lý Hợp đồng thuê thiết bị số 01.01.2015/HĐTB ngày 01/01/2015 về việc cho thuê thiết bị để phục vụ thi công tại gói thầu số 7 thuộc dự án đường cao tốc Đ – Q . Sau khi đã chốt công nợ giữa hai bên tính đến ngày 31/12/2016 thì số nợ gốc còn lại của hợp đồng này mà Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP còn nợ gốc là 506.250.000 đồng. Trong đó, Công ty B đã chuyển 1.270.000.000 đồng cho Công ty A , số tiền còn lại của hợp đồng này là 763.750.000 đồng sẽ được khấu trừ tiếp sang Hợp đồng kinh tế số 02/2016/HĐKT ngày 15/01/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/02/2016 về việc cung cấp bê tông nhựa phục vụ thi công dự án đầu tư xây dựng công trình QL1 đoạn tránh TP P tỉnh H .

3. Công ty B- Công ty CP xác nhận còn nợ Công ty A theo Hợp đồng kinh tế số 02/2016/HĐKT ngày 15/01/2016 số tiền là:

Nợ gốc : 6.344.826.534 đồng (sáu tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi tư đồng).

Nợ lãi chậm trả tính từ ngày chốt công nợ 30/10/2017 đến 30/7/2018: 570.334.880 đồng (năm trăm bảy mươi triệu, ba trăm ba tư nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).

4. Hai bên thống nhất lộ trình thanh toán nợ gốc 6.344.826.534 đồng (sáu tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi tư đồng) như sau:

Đợt 1: Chậm nhất đến ngày 10/8/2018 trả 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng).

Đợt 2: Từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018 trả : 500.000.000 đồng/tháng (tổng đợt hai là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Đợt 3: Chậm nhất đến ngày 30/4/2019 trả: 2.044.826.534 đồng.

5. Nếu Công ty B- Công ty CP thực hiện việc thanh toán theo đúng lộ trình trên thì Công ty A sẽ miễn số tiền lãi là 570.334.880 đồng (năm trăm bảy mươi triệu, ba trăm ba tư nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).

Trường hợp - Công ty B vi phạm một trong các thời hạn thanh toán trên thì Công ty B phải trả số nợ gốc và nợ lãi thành một đợt.

6. Về án phí: Tổng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 114.344.826 đồng (một trăm mười bốn triệu, ba trăm bốn bốn nghìn, tám trăm hai sáu đồng).

Công ty B- Công ty CP phải chịu 57.344.826 đồng (năm mươi bảy triệu, ba trăm bốn bốn nghìn, tám trăm hai sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty A chịu 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.. Xác nhận Công ty A đã nộp 57.000.000 đồng tạm ứng án phí (năm mươi bảy triệu đồng) theo biên lai số 0008067 ngày 01 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

III. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận B;*
- *Chi cục THA quận B;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đồng Thị Lai